

TET IN VIETNAMESE LITERATURE - A CASE STUDY OF TET IN VIETNAMESE PROSE AFTER 1986

Nguyen Thi Ha

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: nguyenthiha@dvttdt.edu.vn

Received: 09/11/2022

Reviewed: 29/11/2022

Revised: 20/12/2022

Accepted: 03/01/2023

Released: 09/01/2023

The cultural imprints of the nation such as the conception of beauty, love, ancestor worship, communication, dressing, Tet festival... reflected in a large number of literature works are clear proofs of the inner force of culture in the movement and development of the country. Accordingly, the strong vitality and unique identity of Vietnamese culture in the country's literature in particular and the national life in general are affirmed. In which, Tet is also a topic exploited in the literature. With an approach to intercultural literature, and topics from medieval literature to modern literature, the article focuses on introducing the picture of Tet through a multi-dimensional perspective in literature, especially Tet in Vietnamese prose from 1986 to present.

Keywords: Tet; Vietnamese literature; Vietnamese modern prose after 1986.

1. Giới thiệu

Nghiên cứu văn học từ góc nhìn văn hoá giúp chúng ta soi rọi những giá trị về đời sống tinh thần của dân tộc qua các thời kì lịch sử. Có thể nói, trong thời kì hội nhập, tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hoá là một hướng tiếp cận giữ gìn và phát triển những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trước nguy cơ văn hóa dân tộc ngày càng bị mai một. Trong đó, văn hoá Tết là một văn hóa biểu trưng, tổng hòa các hoạt động văn hóa, thiết chế văn hóa của người Việt. Nền văn học sau 1986 nằm trong sự vận động, phát triển và đổi mới của toàn xã hội. Điều kiện lịch sử, xã hội và văn hóa truyền thống đã tạo điều kiện cho văn học phát triển vượt trội. Văn học Việt Nam sau 1986 như được tiếp sức, gia tăng nhanh chóng về số lượng sáng tác, sự đa dạng đề tài, chủ đề và sự tham gia của đông đảo đội ngũ sáng tác. Nội dung phản ánh tập trung các vấn đề nóng bỏng của hiện thực đời sống, như: sinh thái, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, tình yêu, quê hương, đất nước; nét đẹp văn hóa của dân tộc... đặc biệt là văn hoá Tết với những giá trị truyền thống, hiện đại, đặc trưng, độc đáo.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Việc nghiên cứu về văn hoá trong văn học Tết của văn học Việt Nam đã có rất nhiều công trình khoa học công phu, giá trị như: “*Cảm nhận về văn hoá và văn học trong hành trình đổi mới*” của Nguyễn Duy Bắc [1]; “*Văn học và văn hóa, vấn đề và suy nghĩ*” Nguyễn Văn Hạnh [4]... Về tản văn có công trình nghiên cứu “*Tản văn hiện đại Việt Nam*” của Lê Trà My [6]. Tuy nhiên, theo khảo sát của chúng tôi, nghiên cứu chuyên sâu về đề tài Tết chỉ có bài “*Phong tục lễ tết cổ truyền của người Việt trong văn học trung đại Việt Nam*” của Trần Thị Kim Thu [9]. Bài viết nghiên cứu về Tết cổ truyền trong văn học trung đại Việt Nam.

Trên cơ sở kế thừa những công trình đi trước, từ thực tế cho thấy, việc đầu tư, nghiên cứu về Tết trong văn học Việt Nam - trường hợp nghiên cứu về Tết trong tản văn sau 1986 là một việc làm có ý nghĩa thiết thực cả về khoa học và thực tiễn.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu về văn học từ góc nhìn văn hoá, tác giả bài viết đã sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp nghiên cứu như: (1) Phương pháp nghiên cứu lịch sử - xã hội nhằm tìm ra các điều kiện lịch sử, văn hóa, xã hội của văn học Việt Nam nói chung và tản văn nói riêng, với diện mạo và sự vận động của thể tản văn, nội dung lịch sử - xã hội được thể hiện trong tản văn qua đề tài Tết; (2) Phương pháp nghiên cứu liên ngành (văn hóa học, xã hội học, ngôn ngữ học) trong việc tìm hiểu văn hóa vùng miền, làm cơ sở phân tích nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm văn học. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng các thao tác nghiên cứu hỗ trợ như: phân tích, tổng hợp, khái quát nhằm chỉ ra diện mạo, đặc điểm của các tác phẩm văn học về đề tài Tết trong đời sống văn học Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tết trong văn học Việt Nam

Xuân về là một phần trong chu trình tuần hoàn vĩnh hằng của thiên nhiên, vũ trụ. Mùa xuân đồng nghĩa với những biến đổi vi tế của đất trời trong giây phút thiêng liêng chuyển từ năm cũ sang năm mới. Mùa xuân cũng đồng nghĩa với Tết, với niềm hân hoan của đất trời và lòng người. Từ thời Lý Trần, vua Trần Thánh Tông đã viết: “Vạn tử thiên hồng không lạn mạn/ Xuân hoa như hứa vị thù khai” (Nghìn hồng muôn tia luống những đua tươi/ Không biết những hoa xuân kia vì ai mà nở). Vạn Hạnh thiền sư cũng đã viết về cái lễ biến thiên của trời đất và con người: “Thân như điện ảnh hữu hoàn vô/ Hoa cỏ xuân tươi thu hựu khô (Thân như bóng chớp, có rồi không/ Cây cỏ xuân tươi, thu nào nung)”. Cái phong vị Tết xưa tao nhã ấy đã được các nhà thơ mới “ký họa” trong những bức tranh xuân sống động thắm đẫm sắc màu.

Đối với người Việt, Tết nguyên đán là ngày lễ cổ truyền lớn nhất, lâu đời nhất và có phạm vi phổ biến rộng rãi nhất trong cả nước. Nó có nguồn gốc từ không gian văn minh lúa nước của người Việt cổ, mang ý nghĩa vui mừng được mùa lúa sau một năm gieo trồng vất vả và mừng mùa cây trồng mới. Đó là một ngày lễ mang tính biểu trưng, tổng hoà các hoạt động, thiết chế văn hoá của nhân dân. Theo nhà nghiên cứu Trần Ngọc Thêm, “Tết nguyên đán (nguyên = bắt đầu, đán = buổi sáng); nó còn được gọi là Tết ta... hoặc Tết cả”. Nét đẹp truyền thống về Tết Việt thời kỳ phong kiến được lưu lại qua nếp sống cộng đồng về văn hóa vật

chất (trang trí nhà cửa, mua sắm Tết, ăn uống), văn hóa tinh thần (cúng kính, chơi hoa, dựng nêu, đốt pháo, đón giao thừa, khai xuân, hái lộc, chơi xuân, chúc Tết) [8; tr50].

Trong tâm thức của người Việt, văn hóa là mạch nguồn không bao giờ vơi cạn, nó luôn tràn chảy trong văn chương từ thời trung đại đến hiện đại, đặc biệt là văn hoá Tết. Đối với văn học, Tết cũng được ghi lại khá đặc sắc qua nhiều tác phẩm của các tác giả tiêu biểu. Qua khảo sát tư liệu văn học về phong tục lễ Tết cổ truyền, cho thấy các tác phẩm đã ghi lại phong tục lễ Tết dân tộc dù được sáng tác một cách chủ quan hay khách quan cũng đã giúp người viết có cái nhìn toàn diện về những giá trị truyền thống của văn hóa Việt trong dòng chảy văn học trung đại.

Dấu ấn của các phong tục Tết cổ truyền được thể hiện đa dạng trong các yếu tố như: nhan đề, nội dung, ngôn từ, thể loại văn học. Từ những huyền tích về tục gói bánh chưng, bánh giầy được *Lĩnh Nam chích quái* phản ánh về cái Tết của cư dân nông nghiệp lúa nước từ thời Hùng Vương đến thơ văn của những tên tuổi lớn như: Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyên, Trần Tế Xương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát... đã thể hiện giá trị văn hóa Tết cổ truyền của người Việt. Với các tác phẩm nổi tiếng như: “*Đào Hoa Thi*” - Nguyễn Trãi, *Xuân tiêu thứ lữ* - Nguyễn Du, “*Cảm tết*” - Trần Tế Xương, “*Khai bút*” - Nguyễn Khuyên, “*Năm mới chúc nhau*” - Tú Xương... phong tục lễ tết cổ truyền của người Việt được khắc họa sâu sắc qua các hoạt động như: thưởng hoa, sắm Tết, dựng cây nêu, đốt pháo, đón giao thừa, mừng xuân, chúc tết, chơi xuân... Qua đó, những giá trị văn hóa về lễ tết như có chiều sâu và sức sống cho văn học [9].

Phong tục tết cũng xuất hiện trong các tác phẩm của Đào Duy Anh, Nhất Thanh, Phan Kế Bính... như “*An Nam phong tục*”, “*Đất lề quê thói*”, “*Việt Nam phong tục*”... Cái phong vị Tết xưa tao nhã ấy đã được các nhà thơ mới “ký họa” trong những bức tranh xuân sống động thắm đẫm sắc màu, tiêu biểu là “*Ông đồ già*” trong thơ Vũ Đình Liên. Hay Tết trong thơ Đoàn Văn Cừ: “*Gạo nếp ngày xuân gói bánh chưng/ Cá đêm cuối chạp nướng than hồng/ Quần đào, áo đỏ, tranh gà lợn/ Com tám, dưa hành, thịt mỡ đông (Tết qua bà), những nghi thức văn hóa tâm linh ngày Tết trong *Chiều ba mươi tết* của Anh Thơ. Phong tục mừng tuổi, vui chơi trong thơ Nguyễn Bính: *Mở hàng mỗi đũa năm xu rưỡi/ Rửa mặt hoa mùi nước đượm hương/.../ Người rú cô tôi đánh tam cúc/ Cười âm tốt đỏ đê tốt đen (Ngày tết của mẹ tôi).**

Trong dòng văn học Việt Nam hiện đại, đã có nhiều sáng tác tiêu biểu về Tết, thể hiện sâu sắc cuộc sống khốn khó, vật lộn với miếng cơm manh áo của nhiều tầng lớp trí thức. Tiêu biểu có tác phẩm “*Người ngựa ngựa người*” của Nguyễn Công Hoan. Các tác giả khác như Thạch Lam, Nguyễn Quang Thiều, Đỗ Chu, Lê Lựu, Nguyễn Tuân, Nguyễn Thị Thu Huệ đều phản ánh không gian văn hoá Tết một cách đa chiều, hiện hữu. “*Tết làng Mụa*” của Lê Lựu gắn với giai đoạn chiến tranh, thể hiện mong muốn cái Tết yên bình, nhiều mong ước khi đất nước đổi mới. Hay các tác phẩm của “*Hai người đàn bà xóm Trại*” của Nguyễn Quang Thiều; “*Lời thì thầm mùa xuân*” của Nguyễn Thị Thu Huệ cũng phản ánh về những câu chuyện Tết trong cuộc sống mới, của sự trống vắng hình bóng người đàn ông khi cuộc chiến đã đi qua...

Tết trong văn chương cũng cho thấy sự chi phối mạnh mẽ của điều kiện xã hội, hoàn cảnh lịch sử. Các nhà văn đương đại có những trang viết về những niềm mong ước, đoàn tụ, hay về những phong tục tết đậm chất văn hóa vùng miền, những cảm nhận của người trẻ với

cách nhìn mới và tư duy mới. Nhưng dù văn cũ hay mới, nhà văn xưa hay nay cũng đều gặp nhau ở một điểm trong văn học Tết là tâm thức hướng về cộng đồng, về nguồn cội, chuyển tải những vấn đề văn học của quá khứ, đương đại và chuyển tải cuộc sống hôm nay.

4.2. Tết trong tản văn Việt Nam sau 1986

Từ cuối thế kỷ XX, bối cảnh xã hội mới về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đã tạo điều kiện cho tản văn phát triển, từng bước khẳng định được vị trí của mình. Sự bùng nổ của công nghệ thông tin, môi trường mạng chính là không gian lý tưởng cho tản văn tồn tại và phát triển mạnh mẽ. Tản văn Việt Nam hiện đại (tính từ thế kỷ XX cho đến nay) đã đạt được những thành tựu nhất định. Tính riêng từ năm 1986 đến hết thế kỷ XX, tản văn được xem là thời kỳ khởi sắc. Tản văn giai đoạn này có sự gia tăng nhanh chóng về số lượng sáng tác, sự đa dạng đề tài, chủ đề và sự tham gia của đông đảo đội ngũ sáng tác. Từ đầu thế kỷ XXI đến nay được coi là thời kỳ bùng nổ, là “thời của tản văn”. Nhờ có sự phát triển của công nghệ, mạng Internet nên tản văn đạt được thành tựu trên nhiều phương diện. Thuật ngữ “tản văn mạng” trở nên quen thuộc, nó là một bộ phận không thể tách rời của tản văn Việt Nam, góp phần tạo nên diện mạo mới cho thể loại văn học năng động và phát triển bậc nhất trong 20 năm đầu thế kỷ XXI. Cho đến nay, tản văn Việt Nam đã dần khẳng định được vị thế chắc chắn của mình trong nền văn học hiện đại Việt Nam nói chung và các thể loại văn xuôi nói riêng. Theo đó, tản văn Việt Nam từ 1986 phản ánh đa dạng các vấn đề sinh thái, văn hoá, xã hội, đặc biệt là cái nhìn đa chiều về đề tài Tết.

4.2.1. Tết là nơi lưu giữ những kỷ niệm, những ký ức một thời - Tết đoàn viên

Mùa xuân là mùa của đoàn viên, mùa của gia đình tụ họp sau cả năm trời xa cách. Cái Tết đoàn viên luôn là cái tết ấm áp, hạnh phúc đủ đầy nhất đối với mỗi người dân Việt. Và với những người con xa xứ vì một lý do nào đó không thể trở về quê ăn Tết thì điều đọng lại trong họ là nỗi nhớ mênh mang, da diết.

Tết là khoảng thời gian thật tuyệt vời. Mỗi chúng ta, ai cũng nghĩ về Tết và đón Tết theo nhiều cách khác nhau. Có người thì Tết là khoảng thời gian được cùng gia đình về quê ăn Tết và chơi Tết. Có người thì được cùng cha mẹ và các anh chị em đi du lịch, đón Tết ở những vùng đất mới. Với tác giả Lương Đình Khoa, Tết là khoảnh khắc đong đầy cảm xúc, được sống trong vòng tay yêu thương của người thân, trong tiếng cười bè bạn...

Tản văn “*Gói rét ngọt nắng hanh trong lá*” của tác giả Nguyễn Quốc Văn kể về phong tục truyền thống rất phổ biến của người Việt Nam trong dịp Tết: gói bánh chưng. Trong tản văn này tác giả cung cấp cho chúng ta nhiều kiến thức quý về Tết cổ truyền, những điều mà bây giờ ít ai biết được...

Tản văn Nguyễn Quang Thiều “*Những bí mật của Tết*”. Tết chỉ diễn ra trong mấy ngày nhưng lại chứa đựng những giá trị tinh thần bền vững của văn hóa Việt. Tết không phải đơn giản là sự kết thúc một vòng thời gian tính theo năm mà như là một tiếng lay gọi làm cho con người thức tỉnh bao điều. Với tác giả, Tết chứa đựng trong nó những bí mật làm cho con người sống tốt đẹp hơn: *Thứ nhất*, Khơi mở tình yêu quê hương; *Thứ hai*, Kết nối với quá khứ; *Thứ ba*, Sự bền vững của gia đình; *Thứ tư*, Sự hàn gắn; *Thứ năm*, Niềm hy vọng.

Với tác giả Thái Kim Lan, Tết Huế không chỉ là Tết. Tết là một nhân vật. Tết Huế thực sự là một mùi hương được cời lại từ đồng tro tàn, có cặn bám của nắng mưa, mồ hôi và nước mắt của cuộc đời trong suốt một năm dẫu bề đã qua. Sâu hơn, “*Tết là một tiếng vọng từ trong lòng đất thoát ra*” và “*ăn Tết đối với người xa quê thường có những âm vang bí nhiệm kêu gọi một sự quay về, một hồi hương hầu như không thể gọi được gọn ghẽ một cái tên chính xác*” (*Năm nay sẽ về nhà ăn Tết*). Viết về Tết, Thái Kim Lan thường đi rất xa cái khởi đầu của mình. Đi rất xa nhưng kỳ thực lại trở về gần cái khởi đầu mà con tim gửi gắm. Đọc văn, tưởng như tác giả chỉ muốn kể lại những câu chuyện về Tết ở quê hương mình nhưng ngòi lại suy nghĩ, lân la đến từng góc chợ, ngôi chùa, con đường trong các bài viết mới thấy, một Huế thật mộng, thật đẹp hiện ra trong những ngày cuối năm. Thoạt tiên là phố Hàng Đường đã xa xôi nhưng còn nguyên trong trí nhớ, rồi tới Kim Long - Hà Khê, Thành Nội, chùa Diệu Đế, Linh Mục, bỗng thấy tác giả đạp xe lên Đền Nam Giao đi tuế mộ chiều 30, dò ngang Tiên Nộn, hoa giấy Thanh Tiên... Từng ấy địa chỉ kể ra, quá đủ cho một bảo chứng về một Tết Huế xưa trong cõi dân gian.

Tình cảm gia đình là một thứ tình cảm thiêng liêng và cao cả, vốn là đề tài trong văn chương từ xưa đến nay. Đó là hình ảnh nàng Vọng Phu hóa đá chờ chồng (*Sự tích Hòn Vọng Phu* - Truyện cổ tích) hay nàng Vũ Nương dù sang thế giới bên kia vẫn không nguôi thương nhớ gia đình (*Chuyện người con gái Nam Xương* - Nguyễn Dữ)... Viết về tình cảm gia đình, các cây bút tản văn không tô vẽ, không sử dụng yếu tố kì ảo mà hết sức gần gũi, chân thực. Đó là sự mong ngóng của cha mẹ đợi ngày Tết con cái sẽ trở về bên gia đình (*Gió mùa thao thức* - Nguyễn Ngọc Tư); đó là những hình ảnh biểu trưng của Tết qua từng biến động nhỏ của thời gian: "Tụi nhỏ không biết, thật sự của Tết là bữa ba mươi này. Khi tụi nhỏ mặc bộ đồ mới đi khoe dài dài xóm, khi ba và anh tắm tấp xong ra hàng ba ngõ ngẩn ngẩn hoa sao nhái đốt lửa vàng run rẩy trước sân, khi má nhốt than trong những bếp lửa tàn, khi chị đứng chải tóc trước gương, thì Tết đã chớm hết, mừng Một, mừng Hai là Tết phai; mừng Ba, mừng Bốn Tết tàn. Tụi nhỏ không biết, mãi về sau, khi lớn lên, trong ký ức Tết ấu thơ, những ngày mừng rất nhạt, đơn điệu, chỉ chơi và chơi. Nhưng bữa ba mươi luôn sống động, lung linh những mồ hôi, những nụ cười, những khoan khoái, những ngọt ngào..." (*Khúc ba mươi*).

Trong xã hội hiện đại, cái mùi của Tết ấy bao nhiêu năm vẫn không thay đổi, vẫn mặn nồng, vẫn ấm áp và đong đầy yêu thương. Thật ra không phải vì Tết nhạt đi mà vì chúng ta đã lớn, trách nhiệm phải gánh vác, giá trị vật chất đè nặng khiến chúng ta đôi khi sợ, chán. Tác giả Mộc Diệp Tử trải lòng Tết qua tản văn “*Lớn rồi Tết không còn vui như ngày bé*”: “Chỉ đến khi chúng ta đi xa, những ngày giáp Tết trên đường phố lè loi mới thấy nhớ cái mùi của Tết nhường nào, mới thấy thấm thía ý nghĩa của ngày Tết chỉ là để sum vầy, để trở về trong vòng tay của mẹ, uống với cha một tách trà có đủ ngọt ngào chát đắng, nhói lòng trước mái đầu bạc của ngoại, cay cay mắt trước mâm cơm chan chứa yêu thương của gia đình”.

4.2.2. Tết - nơi gìn giữ giá trị văn hoá và phong tục tập quán

Nói về phong tục tập quán của Việt Nam, các tác giả đề cập nhiều nhất đến phong tục về ngày Tết như là cách bày tỏ niềm hoài niệm, tình yêu đối với quê hương, nguồn cội. Đó là tục đầu năm đi lễ chùa xin lộc (*Lễ chùa, xin lộc đầu năm* - Lam Điền). Về tập tục truyền

thông còn được thể hiện trong biểu tượng cây nêu ngày Tết trừ tà ma (*Tản mạn về cây nêu* - Trần Văn Hạc) hay *tục xông đất, nét đẹp văn hóa Việt* - Hồng Hạnh; tục viết câu đối và treo câu đối xuân (*Tản mạn về câu đối Tết* - Trần Phong Điều)... Viết nhiều về phong tục tập quán truyền thống phải kể đến Y Phương - một cây bút tản văn tiêu biểu, một phong cách trữ tình độc đáo, đại diện cho vùng văn hóa các dân tộc thiểu số. Bản sắc văn hóa Tày Nùng được miêu tả đậm nét trong các tản văn của ông, như: *Tháng giêng một vòng dao quắm, Tháng giêng, Kungfu người Co Xâu*... Trong tản văn Y Phương, mùa xuân vùng cao là trò chơi dân gian *Đố bên nào ném thủng hồng tâm*, người Tày Nùng là Tết Slip Sli với hai món ăn không thể thiếu là bánh gai và thịt vịt (*Tết Slip Sli ăn thịt vịt*), hay *Tết cốm* vào tháng tám... Bên cạnh đó là các phong tục tập quán quê hương như: tục thăm gái đẽ (*Dzương eng, tục thăm gái đẽ*)... Dấu ấn văn hóa tâm linh thể hiện rất đậm nét qua tản văn Y Phương. Ông phản ánh lễ tết, tập tục thờ cúng của dân tộc Tày Nùng với *Thanh minh trong tiết tháng ba* hay *Chuyện ma gà*... Bằng giọng văn giản dị, mộc mạc, chân thực, mọi góc cạnh của đời sống văn hóa tâm linh đều được ông thể hiện với chiều sâu văn hóa dân tộc.

Nét đẹp văn hóa còn được thể hiện ở phong tục cúng tất niên trong ngày Tết, thể hiện tình cảm gia đình ấm áp, thiêng liêng qua tản văn *Bữa cỗ tất niên* của Bằng Sơn. Trong ngày ba mươi Tết tất cả các gia đình đều mong ngóng người thân của mình trở về nhà quây quần trong buổi cúng tất niên. Trong bữa cúng tất niên bao giờ cũng có nồi bánh chưng đã vớt, bóc một chiếc để cúng trước. Tuần nhang thấp mời tổ tiên về cùng cháu con, có đôi gậy của ông bà tổ tiên bằng hai cây mía tím. Trong khung cảnh hàn huyên, cả gia đình kể về những chuyện vui buồn của năm qua và nói về chuyện tương lai, tất cả đều vui vẻ, háo hức, quây quần trong mâm cỗ thịnh soạn, đầy đủ.

Thấm đẫm vùng văn hóa miền cao, Y Phương thổi cảm xúc yêu thương đắm say vào các mùa lễ hội từ mùa xuân tới mùa thu, vắt qua mùa đông và kéo sang mùa hạ. Mùa lễ tết của người Tày trong tản văn với những “*Tết cả*”, “*Tết thanh minh*”, “*Tết Slip Sli thịt vịt*”, “*Tết Hạ chí*”, “*Tết trâu*”, “*Tết cốm*”... Tết vùng Tày không khác biệt với những vùng văn hóa khác, bởi Tết là vui, vui như Tết. Tết là dịp nghỉ ngơi sau cả năm làm lụng vất vả. Tết là lúc gia đình quây quần, sum họp. Tết là tri ân, tôn vinh người già, quan tâm đến trẻ... Ngày Tết của vùng Tày cũng không có gì khác biệt “*Ngày mồng hai, bầu đàn vợ chồng, con cái sang chúc Tết ông bà nội ngoại... Ông bà vui như trẻ lại vài chục tuổi. Móc túi mừng cho mỗi đứa một bao lì xì... Ngày mồng ba Tết, mọi người ra khỏi làng...*” (*Tết anh cả*). Tản văn của anh như “*mảnh hồn làng*” mang bao nỗi háo hức, bận rộn của “*Tết tháng giêng hẹn từ tháng bảy*”. Thế nên “*từ sau rằm tháng bảy, lá gói bánh gai chưa kịp héo, họ đã lên kế hoạch cho từng tháng... Tháng chín, tháng mười vào rừng kiếm củi, đun nồi bánh chưng, cất lô rượu gạo. Tháng một bện rơm lót giường, làm ghé cho khách ngồi. Tháng chạp ủ muối cỏ khô, rơm khô dành cho trâu bò ăn...*” (*Tết cả*), trong đó có lẽ “*pây tái*” (đi lễ bố mẹ vợ) rất độc đáo vùng văn hóa Tày “*Các chàng rể phải sắm đôi vịt béo để mang đến nhà, biếu ông bà ngoại*” (*Tết Slip Sli thịt vịt*). Khác với một số dân tộc có tục kiêng cử đàn bà “xông đất” trong ngày Tết, thì trái lại Y Phương khẳng định văn hóa Tày không những không kiêng cử đàn bà mà trái lại họ - đàn bà đã mang đến vận may: “*Nhà ai có khách là đàn bà con gái đến chúc*

Tết đầu tiên, năm ấy sẽ ăn nên làm ra, mua một bán mười. Bỏi đàn bà con gái là giống má. Là mùa màng. Là no ấm. Mùa màng đến xông đất thì còn gì may mắn bằng...” (Tết anh cả).

Tân văn còn đề cập đến chuyện chọn lựa món ăn trong ngày Tết cho đúng với nét văn hóa cổ truyền Việt Nam (*Ăn gì trong ngày Tết* - Băng Sơn). Với người Hà Nội, Tết là thời gian để họ thưởng thức những món ăn mang hương vị Hà Nội, mà chỉ Hà Nội mới có. Người Hà Nội rất kỹ tính khi lựa chọn các món ăn trong ngày Tết. Họ chỉ ăn mứt mà không ăn các loại bánh khác. Đó là mứt quất còn tê tê mùi vỏ quả, là mứt mận tím thắm, có những đường khía xếp lên nhau như cánh hoa. Mứt bí như những thoi bạc trắng ngần đọng li ti những tinh thể sương trời bám vào từ lúc nào không ai biết. Tết còn có bánh giầy thừa, mỗi chiếc bánh như một ngọn đồi trắng muốt, nó giống như khuôn ngực nở nang của người con gái tuổi xuân thì. Đương nhiên, ngày Tết không thể thiếu bánh chưng, bánh chưng còn được làm sớm để kịp thờ cúng tổ tiên trong suốt mấy ngày Tết. Bên cạnh đó là món chè kho, một món ăn rất ngon nhưng không phải người Hà Nội nào cũng làm được. Nó cần đến sự tỉ mỉ và khéo léo ở đôi tay của những người bà, người mẹ. Trong mâm cỗ Tết của người Hà Nội luôn có sự hài hòa của rất nhiều màu sắc, nó đẹp tựa như bức tranh của một người họa sĩ. Đó là bát canh thả miếng bóng vàng mờ với cà rốt đỏ, đậu Hà Lan xanh, mấy sợi rau mùi, củ hành chín trong suốt; đĩa hành nén ngoài vàng chanh trong trắng nõn; thêm đĩa giò màu huyền, miếng sụn trắng, sợi mộc nhĩ đen. Đó chính là những món ăn truyền thống trong ngày Tết của người Hà Nội. Dù cho cuộc sống hôm nay có thay đổi thì Hà Nội vẫn giữ được những nét đẹp văn hóa ẩm thực cùng chung với hơi thở của thời đại.

Hay nói về vấn đề tiền mừng tuổi trong ngày tết, tác phẩm *Sách của con dâu* - Nguyễn Nhật Ánh cũng phản ánh hiện thực trong phong tục của người Việt đến nay có nhiều vấn đề phải suy nghĩ. Tục lệ lì xì ngày Tết không biết có từ bao giờ, trẻ con mong đến ngày Tết để được nhận lì xì. Những trẻ nhỏ được ba mẹ đưa đi chúc Tết hết nhà này đến nhà nọ và kiểu gì cũng được chủ nhà mừng tuổi. Có đứa trẻ ba ngày Tết cũng không chịu đi chơi đâu chỉ đợi ở nhà để cô dì chú bác đến chơi và rồi sẽ được mừng tuổi. Mặc dù trẻ con sung sướng vì tiền lì xì nhưng lại nổi khổ sở của người lớn. Những nhà có hoàn cảnh eo hẹp Tết đến chạy tiền lì xì đã toát mồ hôi như đi chạy gao. Lại còn chuyện lì xì ít lì xì nhiều, rồi là chuyện bình phẩm người này keo kiệt người kia rộng rãi... Tự nhiên cũng vì chuyện lì xì mà người ta ngại đến thăm nhau trong dịp Tết. Theo tác giả sẽ không lì xì bằng tiền trong ngày Tết mà nên lì xì bằng sách có lẽ sẽ có ý nghĩa hơn. Tuy nhiên, vấn đề lì xì cũng là vấn đề nhiều người trăn trở nhưng đã là truyền thống của cả một dân tộc thật khó để thay đổi.

Hà Nội, đô thị hiện đại được các tác giả khai thác theo cách nhìn mới, tiêu biểu như: *Hà Nội thì không có tuyết*, *Ngồi lê đôi mách với Hà Nội* của Đỗ Phấn; *Con giai phố cổ*, *Đàn bà uống rượu* của Nguyễn Việt Hà; *Đi ngang Hà Nội*, *Đi dọc Hà Nội*, *Đi xuyên Hà Nội* của Nguyễn Ngọc Tiến; *Hà Nội là Hà Nội*, *Còn ai hát về Hà Nội* của Nguyễn Trương Quý... Hà Nội dưới trang viết của các tác giả hiện lên đầy màu sắc đô thị đang đổi mới với những nét tích cực và tiêu cực. Đó là ký ức ngàn năm của Hà Nội xưa, là vẻ đẹp đô thị của Hà Nội trong thời đổi mới; cùng với đó là sự băn khoăn, trăn trở về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trước những thay đổi lớn lao của xã hội. Trong các nhà văn viết về Hà Nội, Băng Sơn là một

trong những người dành tình cảm sâu đậm nhất cho mảnh đất này. Tác giả đi sâu, khám phá cận kề từng ngõ phố, góc phố để phát hiện vẻ đẹp thanh lịch, hào hoa, cổ kính mà thiêng liêng của Hà Nội (phố Hoàng Hoa Thám, phố Lương Ngọc Quyến, phố Đội Cấn, phố Hàng Gai, phố Bạch Mai...). Cùng với Hà Nội, mảnh đất Sài Gòn đi vào các trang viết của các tác giả với những tình cảm đặc biệt. Sài Gòn là một đô thị hiện đại, nhộn nhịp, nhưng cũng có lúc Sài Gòn mang vẻ đẹp dịu dàng trong những ngày cuối thu (*Sài Gòn cuối thu* - Bùi Diệp). Thành phố Sài Gòn còn rục rờ hơn vào những ngày Tết, dù có vội vã trong những ngày cuối năm này thì ta vẫn nghe thấy tiếng gió rì rào làm tung bay tà áo của người thiếu nữ (*Bông dung... nhớ gió* - Đỗ Hồng Ngọc).

Ký ức về vẻ đẹp của Hà Nội xưa cũng là ký ức về những thú vui nho nhã của người Hà Thành. Đó là cái vị của cà phê dịu đắng trong miệng qua tản văn của Đỗ Phấn: “Dân nghiện cà phê ít người uống ở quán mậu dịch. Họ tìm đến những “Nhân, Nhĩ, Dĩ, Giảng”. Những quán cà phê nổi tiếng từ thời Pháp thuộc. Mỗi quán một gu pha cà phê rất dễ nhận thấy khác biệt. Ông Giảng có bí quyết pha cà phê trứng tuyệt vời. Ông cụng đầu bếp khách sạn Metropole này không chỉ cho trứng vào cà phê mà còn cho cả vào bột đậu xanh, ca cao và bia nữa. Ông Nhĩ nghe đồn có cho thêm chút sái thuốc phiện vào cà phê vừa pha. Chẳng biết thực hư thế nào. Nhưng rất đông khách...” (*Hà Nội thì không có tuyết* - Đỗ Phấn). Hay đó là hương rượu thơm nồng ấm trong cổ họng với không gian cổ kính làm say lòng người trong tản văn của Nguyễn Ngọc Tiến: “Trước khi Hà Nội có nhà máy bia thì đàn ông Hà Nội uống rượu Kê Mơ, trước nữa uống rượu sen do dân làng Thụy Chương, một làng nằm bên Hồ Tây nấu. Thế kỷ XVIII và XIX, sĩ phu Bắc Hà ăn Tết “trùng cửu”, trước Tết này là mùa thu nên hoa cúc nhiều và Kê Mơ đã chế ra thứ rượu cúc thơm nhẹ, uống vào thấy người bay bay, thế nên mới có “Thu ẩm hoàng cúc hoa” (*Đi ngang Hà Nội* - Nguyễn Ngọc Tiến).

Nếu như đề tài Tết trong văn học trước năm 1986 chủ yếu hướng đến những nét văn hóa cổ truyền của dân tộc thì đến tản văn sau 1986 chủ đề đa dạng hơn. Các nhà văn tập trung khá nhiều về văn hóa đô thị, văn hóa ẩm thực, văn hóa phong tục của từng vùng miền. Nhiều tác phẩm đã đi sâu phản ánh vẻ đẹp bình dị, dân dã, quen thuộc trên khắp các vùng miền quê hương đất nước. Nhà văn bày tỏ lòng tự hào về những giá trị văn hóa còn lưu giữ, cũng không tránh khỏi tâm trạng băng khuâng khi một vài nét đẹp văn hóa đang dần mất đi, trong đó có sự biến đổi giá trị văn hoá Tết. Trong cuộc sống đương đại hiện nay, việc giao lưu tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới, từ đó nhiều thành tố, khía cạnh mới của văn hóa xuất hiện, có lẽ vì vậy mà đã khiến một số phong tục ngày Tết Việt Nam được điều chỉnh và thay đổi để phù hợp với cuộc sống hiện đại. Với đề đề này, tản văn đã góp phần không nhỏ vào việc bảo tồn bản sắc văn hóa Việt trong thời buổi hội nhập quốc tế như hiện nay.

5. Thảo luận

Nghiên cứu văn học Việt Nam từ văn hoá là hướng tiếp cận văn học đa chiều, khẳng định sức sống mạnh mẽ và bản sắc văn hoá Việt Nam trong nền văn học nước nhà. Với đề tài mang giá trị văn hoá lớn - Tết, bài viết khảo sát, nhận định, đánh giá bức tranh đầy màu sắc về phong tục lễ Tết, nét đẹp văn hoá Tết cổ truyền của dân tộc được phản ánh theo suốt chiều dọc dài của văn học Việt Nam, từ văn hóa dân gian, văn học trung đại, văn học hiện đại và

sâu hơn là đối với thể loại tản văn hiện đại. Trong mạch nguồn cảm xúc của thời đại mới, tản văn có vai trò không nhỏ trong việc kiến tạo diện mạo của văn học Việt Nam thời kì từ sau đổi mới. Từ những thập niên cuối thế kỷ XX, đặc biệt là từ năm 1986, với những chuyển biến mạnh mẽ về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và văn học nói chung, thể tản văn đã có nhiều chuyển động đáng kể. Bối cảnh xã hội mới đã tạo điều kiện cho sự xuất hiện nhiều phong cách tản văn mới mẻ, độc đáo và hấp dẫn. Tản văn từ năm 1986 đến hết thế kỷ XX được xem là thời kỳ khởi sắc; từ đầu thế kỷ XXI đến nay được xem là thời kỳ bùng nổ, là “thời của tản văn”. Tiếp cận văn hoá Tết từ tản văn trở thành một trong những phương thức để người đọc tri nhận về bản thân, về cuộc đời, về những giá trị cốt lõi của đời sống. Bài viết mong muốn khơi gợi được giá trị văn hoá của dân tộc qua văn học ở nhiều khía cạnh đa chiều, qua chiều kích của con người hiện đại.

6. Kết luận

Văn học Việt Nam đã phản ánh dấu ấn các phong tục Tết cổ truyền dân tộc qua nhiều tác phẩm tiêu biểu, thể hiện cái nhìn toàn diện về những giá trị truyền thống của văn hóa Việt như: mừng xuân, chúc Tết, chơi xuân, thưởng hoa... Dấu ấn của Tết trong văn học được thể hiện đa dạng qua nhan đề, nội dung, ngôn ngữ, thể loại... Với thể loại tản văn, đặc biệt là tản văn sau 1986, bức tranh về xã hội đã thể hiện rõ sự đa dạng, đa góc nhìn và tinh thần đối thoại mạnh mẽ. Đó là bức tranh xã hội được phản ánh đầy đủ, toàn diện hơn, đụng chạm đến nhiều vấn đề của đời sống xã hội, con người. Tản văn sau 1986 tham dự sâu rộng vào các vấn đề xã hội như: thực trạng mưu sinh, sự so sánh đạo đức, giáo dục, gia đình và hôn nhân... Về đề tài Tết, tản văn đã phản ánh sâu sắc tâm tư của con người hiện đại về các giá trị truyền thống của phong tục lễ tết cổ truyền qua 2 chủ đề cơ bản: *Tết là nơi lưu giữ những kỷ niệm, những ký ức một thời - Tết đoàn viên và Tết - nơi gìn giữ giá trị văn hoá và phong tục tập quán*. Có thể nói, tinh thần chất vấn và đối thoại của tản văn giai đoạn sau 1986 được thể hiện rõ nét và công khai hơn bao giờ hết. Đó không chỉ là việc phát hiện và ngợi ca vẻ đẹp văn hóa vật thể và phi vật thể của đất nước mà còn lên tiếng chất vấn, đối thoại, bảo vệ và xây dựng các giá trị văn hóa.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Duy Bắc (2006), *Cảm nhận về văn hoá và văn học trong hành trình đổi mới*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Thị Bình (2012), *Văn xuôi Việt Nam sau 1975*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [3]. Đinh Trí Dũng (chủ biên) (2020), *Ký Việt Nam đương đại*, Nxb Đại học Vinh, Nghệ An.
- [4]. Nguyễn Văn Hạnh (2002), *Văn học và văn hóa, vấn đề và suy nghĩ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Văn Long (2002), *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [6]. Lê Trà My (tuyển chọn) (2011), *Tản văn hiện đại Việt Nam*, Nxb Hải Phòng,

Hải Phòng.

[7]. Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

[8]. Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục, TP. HCM.

[9]. Trần Thị Kim Thu (2021), “Phong tục lễ tết cổ truyền của người Việt trong Văn học trung đại Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học Đại học Đồng Tháp*, (1), trang 97-109.

TẾT TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM – TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU VỀ TẾT TRONG TẢN VĂN VIỆT NAM SAU 1986

Nguyễn Thị Hà

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: nguyenthiha@dvt.edu.vn

Received: 09/11/2022

Reviewed: 29/11/2022

Revised: 20/12/2022

Accepted: 03/01/2023

Released: 09/01/2023

Những dấu ấn văn hóa của dân tộc như: quan niệm về cái đẹp, về tình yêu thương, về tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, về giao tiếp, ăn mặc, lễ Tết... được phản ánh đặc sắc trong nhiều tác phẩm văn học là minh chứng sống động về nội lực của văn hoá trong sự vận động và phát triển đất nước. Qua đó, khẳng định được sức sống mãnh liệt và bản sắc độc đáo của văn hoá Việt Nam trong nền văn học nước nhà nói riêng và đời sống dân tộc nói chung. Trong đó, Tết cũng là một đề tài được văn học tập trung khai thác. Với hướng tiếp cận văn học liên văn hoá, khai thác đề tài từ văn học trung đại đến văn học hiện đại, bài viết tập trung giới thiệu bức tranh Tết qua góc nhìn đa chiều trong văn học, đặc biệt nghiên cứu về Tết trong tản văn Việt Nam từ 1986 đến nay.

Từ khóa: Tết; Văn học Việt Nam; Tản văn hiện đại Việt Nam sau 1986.